

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 653/2021/DS-PT  
Ngày: 30/11/2021  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hòa

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Huyền

Bà Vũ Thị Thu Hương

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Lê Quỳnh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân  
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*** Ông Tào  
Minh Quân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5; các ngày 25, 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa  
án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự  
phúc thẩm thụ lý số 108/TLPT-DS ngày 17/3/2021 về việc “*Tranh chấp hợp  
đồng vay tài sản*”.

Do bản án số 20/2021/DS-ST ngày 21/01/2021, của Tòa án nhân dân huyện  
A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1248/QĐ-PT ngày  
25/3/2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 7465/QĐ-PT ngày  
18/5/2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3609/QĐ-PT ngày  
01/11/2021, giữa:

*Nguyên đơn:* Ông Mai Công B, sinh năm 1992. Hộ khẩu thường trú: Thôn  
C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh Hóa. Địa chỉ tạm trú: D704 Chung cư F, huyện A,  
Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt). *Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn:*  
Ông Vũ Phú G, sinh năm 1979. Địa chỉ: 60/20 Đường H, phường I, Quận J,  
Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 003347 quyền 05TP/CC-

SCC/HĐGD lập ngày 15/5/2020, tại Văn phòng công chứng K, Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt)

*Bị đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1971. Địa chỉ: 65/4B, ấp M, xã N, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt ngày 18 tháng 5; ngày 25 tháng 11 năm 2021).

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Văn O, sinh năm 1957. Địa chỉ: 65/4B, ấp M, xã N, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị L, ông Huỳnh Văn O:* Luật sư Nguyễn Minh P - Văn phòng luật sư Nguyễn Minh P - Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt ngày 18 tháng 5; ngày 25 tháng 11 năm 2021).

2. Ngân hàng Q:

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Đình R - Giám đốc; Bà Hồ Thị Mỹ S - Cán bộ pháp chế - Chi nhánh 3 - Phòng giao dịch T (Theo Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019; Giấy ủy quyền số 1320/NHN03-TH ngày 15/11/2020, của Ngân hàng Q; Chi nhánh 3 Phòng giao dịch T). Địa chỉ: 19C-D Đường U, Phường V, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt ngày 18 tháng 5; ngày 25 tháng 11 năm 2021).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 25/4/2020, các bản tự khai và các biên bản làm việc tại tòa, nguyên đơn ông Mai Công B có ông Vũ Phú G là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết và sau khi nghe bà L trình bày kế hoạch mua đất để đầu tư xây dựng, kinh doanh phòng trọ tại huyện X và bà L có hỏi vay tiền của ông B để thực hiện. Nhằm tạo sự tin tưởng, bà L có cung cấp cho ông B bản photo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 433/2008/UB-GCN ngày 08/4/2008 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho ông Huỳnh Văn O và bà Lê Thị L.

Tin tưởng vào kế hoạch kinh doanh của bà L, ông Mai Công B đồng ý cho bà L vay số tiền 17.000.000.000 đồng vào ngày 30/11/2019. Giấy vay tiền do bà L viết và ký tên có nội dung: Bà L vay, nhận đủ số tiền 17.000.000.000 đồng, sẽ thanh toán cho ông B tiền gốc vay và tiền lãi (Theo lãi suất Ngân hàng) trong vòng 90 ngày kể từ ngày vay tiền. Đồng thời, bà L còn cam kết trong trường hợp đến hạn mà không trả được số tiền vay thì sẽ chuyển nhượng cho ông B căn nhà đang sở hữu tại địa chỉ 65/4B ấp M, xã N, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số 348, tờ bản đồ số 37, xã Tân Xuân, huyện A, Thành phố Hồ

Chí Minh với tổng diện tích đất thực tế khoảng 700m<sup>2</sup> bao gồm: Căn nhà 3,5 tầng; kho xưởng mái tôn cấp 4 và dãy phòng trọ 23 phòng để cầm trừ khoản tiền vay này.

Cho đến nay đã hết thời hạn cho vay nhưng bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, mặc dù ông B đã nhiều lần gọi điện thoại cũng như đến nhà bà L để yêu cầu thanh toán tiền vay nhưng bà L cố tình lẩn tránh và không nghe điện thoại. Đồng thời, bà L cố tình tẩu tán tài sản đã cam kết bán cho ông B nếu không trả nợ khi đến hạn. Bằng cách đến Văn phòng công chứng Y vào ngày 27/3/2020, để lập hợp đồng tặng cho chồng là ông Huỳnh Văn O căn nhà 65/4B Ấp M, xã N, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 433/2008/UB-GCN do Ủy ban huyện A cấp ngày 08/4/2008 và đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện A cập nhật biến động cho ông O.

Do vậy, ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị L trả số tiền nợ gốc là 17.000.000.000 (Mười bảy tỷ) đồng và tiền lãi tính đến ngày 31/5/2020, tổng cộng cả gốc và lãi là 18.073.125.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà Lê Thị L và ông Huỳnh Văn O cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Mai Công B số tiền nợ gốc 17.000.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Tại đơn ngày 20/4/2020 và các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị L có người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Đăng Quang trình bày:*

Ông Mai Công B chỉ có một giấy vay tiền 17 tỷ đồng đề ngày 30/11/2019. Nay ông B khởi kiện tại Tòa án sự thật vụ việc là bà L vay tiền trả góp của ông Mai Công B chứ không phải mua bán nhà. Cụ thể: Tháng 6/2019 đến tháng 10/2019, bà L có vay của ông B tổng cộng 1.700.000.000 đồng, trong đó tháng 6 vay 100.000.000 đồng, các tháng sau vay đều 400.000.000 đồng/tháng để trả góp cho ông B. Việc vay có trả góp hàng ngày. Đến tháng 11/2019, bà L không có tiền trả góp cho ông B. Tổng cộng bà L đã vay của ông B là 2.900.000.000 đồng. Nhưng ông B đã tính toán lãi mẹ, lãi con thành 17 tỷ đồng. Ông B soạn sẵn giấy mua bán căn nhà mà bà L đang ở tại địa chỉ 65/4B, ấp M, xã N, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh và bà L giao cho ông B một tờ giấy photo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở; 01 chứng minh nhân dân bản chính và buộc bà L viết lại và ký tên. Có 01 tờ giấy 07 tỷ đồng; 01 tờ

giấy 05 tỷ đồng; 01 tờ giấy 05 tỷ đồng. Tổng cộng 03 tờ là 17 tỷ đồng do bà L viết và ký tên cùng một ngày.

Nay ông Mai Công B yêu cầu bà Lê Thị L trả số tiền nợ gốc là 17.000.000.000 (Mười bảy tỷ) đồng và tiền lãi tính đến ngày 31/5/2020, tổng cộng cả gốc và lãi là 18.073.125.000 đồng, tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm, bà Lê Thị L không đồng ý toàn bộ yêu cầu này của nguyên đơn, chỉ đồng ý một phần vì: Việc bà L vay tiền của ông Mai Công B là đúng sự thật. Số tiền thực tế bà L vay của ông Mai Công B là 2.900.000.000 (Hai tỷ chín trăm triệu) đồng. Nếu tính cả tiền lãi phát sinh cho đến nay thì số tiền bà L thực nợ của ông Mai Công B là khoảng 3.500.000.000 (Ba tỷ năm trăm triệu) đồng. Bà L đồng ý trả số nợ 3.500.000.000 (Ba tỷ năm trăm triệu) đồng cho ông Mai Công B ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Đây là nợ riêng của cá nhân bà L, không liên quan đến chồng bà là ông Huỳnh Văn O.

*Các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Văn O; người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích pháp trình bày:*

Ông O là chồng của bà Lê Thị L có đăng ký kết hôn hợp pháp, hiện nay vẫn chưa ly hôn. Ông O làm nghề lái xe tải chở mướn, còn bà L lo nội trợ. Ngày 10/3/2020 có người đến nhà giao cho ông O thông báo đòi nợ, lúc đó ông O mới biết việc bà L có nợ của ông Mai Công B số tiền 17.000.000.000 đồng. Hàng ngày ông O lái xe tải nhẹ chở hàng lo cuộc sống gia đình, còn bà L lo nội trợ. Ông O không biết việc bà L vay tiền của ông B nên không có trách nhiệm trả nợ. Ông B cho bà L vay tiền thì phải đòi bà L. Ông O xác nhận bà L có vay của ông Mai Công B số tiền 2.900.000.000 (Hai tỷ chín trăm triệu đồng), tính cả tiền lãi thì hiện nay bà L còn thực nợ ông B số tiền 3.500.000.000 đồng. Đây là nợ riêng của cá nhân bà L, nhưng do ông O và bà L cùng đứng tên sở hữu nhà, đất nên ông O đồng ý cùng bà L trả. Tuy nhiên, nguồn gốc đất là do ông, bà của ông O cho riêng nên là tài sản riêng của ông O, còn tiền xây nhà là do ông O và bà L mượn của anh chị em nhưng không biết rõ là mượn của ai. Ngoài số tiền nợ của ông B, thực tế bà L còn vay của rất nhiều người khác. Do sợ liên quan nên ông O có gửi đơn yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung gồm: Nhà và đất tại địa chỉ 65/4B và 65/4X, ấp M, xã N, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh đã được cấp Giấy chứng nhận cho ông O và bà L. Yêu cầu Tòa án xác định phần đất là tài sản riêng của ông O, phần nhà là tài sản chung của ông O và bà L nên chia đôi. Việc bà L vay tiền của ông B, ông O không biết nên không đồng ý liên đới trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, tài sản là do ông O và bà L cùng

đứng tên nên ông O chỉ đồng ý trả cho ông B số tiền nợ tổng cộng cả gốc và lãi là 3.500.000.000 đồng còn nhiều hơn thì ông O không đồng ý. Đề nghị Tòa án hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của ông O, bà L.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Q có người đại diện theo ủy quyền ông Võ Việt Z trình bày:* Tranh chấp giữa ông Mai Công B và bà Lê Thị L phát sinh sau khi bà Lê Thị L và ông Huỳnh Văn O đã thế chấp tài sản tại Ngân hàng Q nên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án phong tỏa tài sản này, trường hợp phải đưa ra xử lý tài sản thì đề nghị Tòa án thực hiện thứ tự ưu tiên trả nợ cho Ngân hàng theo đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 21/01/2021, của Tòa án nhân dân huyện A đã căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 280, 288, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Lê Thị L và ông Huỳnh Văn O có trách nhiệm liên đới trả cho ông Mai Công B số tiền nợ 19.691.666.000 (Mười chín tỷ sáu trăm chín mươi một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng. Bao gồm nợ gốc là 17.000.000.000 đồng, nợ lãi là 2.291.666.000 đồng. Thi hành khi án có hiệu lực pháp luật.

Tiếp tục duy trì biện pháp phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 26/2020/QĐ-BPKCTT ngày 07/4/2020 và Quyết định số 28/2020/QĐ- BPKCTT ngày 07/4/2020; Quyết định sửa chữa bổ sung số 23/QĐ-SCBS ngày 07/4/2020, của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo thi hành án.

Dành quyền ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng Q theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1602-LCL-201900336 ngày 29/5/2019 lập tại Văn phòng Công chứng A1, Thành phố Hồ Chí Minh (Số công chứng 003614, quyền 05TP/CC-SCC/HĐGD).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm; tiền lãi chậm thi hành án; quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ; thời hiệu thi hành án.

Ngày 02/02/2021, bị đơn bà Lê Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn O có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 21/01/2021 của Tòa án huyện A. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo của bà L: Bản án sơ thẩm tuyên không đúng với sự thật khách quan đã xảy ra. Số tiền bị đơn vay của nguyên đơn từ tháng 6/2019 đến tháng 01/2020, tính cả lãi và gốc là 2,9 tỷ đồng. Có 03 giấy vay nợ tổng số tiền 17 tỷ đồng do ông B và đàn em đe dọa, ép buộc bà L ký giấy tại quán Cà phê Bông lừng tím đường Phan Văn Hớn, huyện A. Số tiền này là do ông B tính lãi trên 60% của 2,9 tỷ từ tháng 6/2019 đến tháng 01/2020 là 17 tỷ đồng, không phải số tiền thực tế bà L vay. Lý do kháng cáo của ông O: Việc vay nợ giữa ông B và bà L, ông O không liên quan và không biết. Quyền sử dụng đất đứng tên ông và bà L là do ông thừa hưởng của gia tộc ông trước khi lập gia đình với bà L. Số tiền 17 tỷ là quá lớn, bà L không thể nhận trong ngày vì chỉ là người nội trợ trong nhà; bà L không nói với ông về việc vay tiền là điều bất thường.

**Tại phiên toà phúc thẩm:** Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Ông O cung cấp bản photo Giấy bà L đã từng vay 200.000.000 đồng của ông B. Theo Công văn số 4165 ngày 09/11/2021, Công an Quận B1 cung cấp có nội dung chính: Hiện Công an Quận B1 đang khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với ông Mai Công B về “*Tội cưỡng đoạt tài sản*”. Bà Lê Thị L, ông Huỳnh Văn O không liên quan trong vụ án này.

*Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không đồng ý bản án sơ thẩm vì đã áp dụng sai pháp luật, buộc ông O liên đới cùng bà L trả nợ là vi phạm Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia Đình. Ông O không vay mượn cùng với bà L, khi có người đến đòi nợ mới biết. Ông O có đồng ý trả nợ dùm là do không biết Luật và cũng không có nghĩa vụ bắt buộc phải trả. Việc vay nợ của bà L không nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Có tình tiết mới là ông O đã từng trả 200.000.000 đồng mà bà L đã vay trước đó, chứng tỏ việc cho vay của ông B là nhiều lần. Nguyên đơn đã thuê Công ty đòi nợ. Án sơ thẩm kết luận bà L vay 17 tỷ nên ông O phải có nghĩa vụ liên đới trả là không đúng. Vì theo bị đơn chỉ mượn tính cả lãi là 3.500.000.000 đồng, còn số tiền 17 tỷ là cộng dồn lãi nặng vào. Số tiền 17 tỷ là rất nhiều không thể cho vay chỉ bằng tờ giấy photo. Tòa án cấp sơ thẩm không cho đối chất về việc giao nhận tiền giữa các bên là vi phạm Điều 100 Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt BLTTDS). Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết

vượt quá yêu cầu khởi kiện, vì nguyên đơn chỉ yêu cầu trả tổng cộng 18 tỷ nhưng cấp sơ thẩm buộc bà L, ông O trả 19.000.000.000 đồng tỷ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Căn cứ khoản 3 Điều 310 BLTTDS đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

*Ý kiến của bà L, ông O:* Đồng ý với ý kiến của Luật sư, thừa nhận vay của nguyên đơn 2.900.000.000 đồng, tính cả lãi là 3.500.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả số tiền này. Bà L thừa nhận “giấy vay tiền” ngày 30/11/2019, bà L viết và ký tại quán cà phê nhưng do bị ép buộc. Ông O chỉ đồng ý liên đới với bà L trả 3.500.000.000 đồng cho nguyên đơn, còn nếu là 17.000.000.000 đồng thì ông không đồng ý liên đới trả. Ông O cũng đã từng trả 200.000.000 đồng mà bà L vay của ông B trước đó. Còn việc vay 17.000.000.000 đồng, ông O hoàn toàn không biết, không chứng kiến việc vay tiền, không ký giấy vay và việc vay này không để kinh doanh cho kinh tế gia đình. Tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 348, tờ bản đồ 37 tại địa chỉ 65/4B, ấp M, xã N, huyện A mà Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2017, cho ông O, bà L (đổi từ Giấy chứng nhận cấp ngày 08/4/2008). Ngày 29/4/2019, ông O, bà L thế chấp cho Ngân hàng Q. Tài sản này ngày 27/3/2020, bà L đã lập hợp đồng tặng cho ông O tại Văn phòng công chứng Y ngày 27/3/2020. Ông O đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân huyện A, vì tài sản này đã thế chấp vay Ngân hàng.

*Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Luật sư vì không có chứng cứ. Nguyên đơn cho vay tiền vì thấy bà L, ông O có tài sản và bà L cần tiền để kinh doanh, cam kết đến thời hạn không trả sẽ chuyển nhượng nhà đất đứng tên vợ chồng bà L nên nguyên đơn đã đem đến nhà cho bị đơn mượn 17.000.000.000 đồng và chính bà L đã tự tay viết giấy xác nhận đã nhận số tiền này. Không có chứng cứ cho rằng số tiền 17.000.000.000 đồng là cộng cả tiền lãi và bà L bị đe dọa viết giấy vay tiền. Số tiền này vợ chồng bà L, ông O sử dụng để kinh doanh nên phải liên đới trả. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

- *Về tố tụng:* Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Kháng cáo của bà L; ông O còn trong hạn luật định. Về yêu cầu kháng cáo của bà L, ông O: Theo giấy vay tiền ngày 30/11/2019, có nội dung bà L đã vay và nhận đủ số tiền 17.000.000.000 đồng của ông B, thời hạn 90 ngày, tính lãi theo lãi suất Ngân hàng. Cam kết nếu không trả đúng hạn sẽ chuyển nhượng nhà đất tại địa chỉ vợ chồng bà L đang ở tại 65/4B ấp M, xã N, huyện A cho nguyên đơn. Bà L thừa nhận đã viết và ký giấy này nhưng cho rằng chỉ vay ông B 2.900.000.000 đồng và nay chỉ đồng ý trả 3.500.000.000 đồng mà không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L trả nợ gốc và tiền lãi 2.266.000.000 đồng, tổng cộng 19.691.666.000 đồng là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, giấy vay tiền chỉ có bà L ký, ông O không thừa nhận việc bà L vay tiền của ông B để kinh doanh cho gia đình nên không có cơ sở buộc ông B phải liên đới cùng bà L trả. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà L. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông O. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS, sửa một phần bản án sơ thẩm. Đối với yêu cầu của ông O về việc xem xét hủy quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời. Chỉ có cơ sở đề nghị hủy quyết định khẩn cấp tạm thời số 26 ngày 07/4/2020, vì tài sản bị phong tỏa tại quyết định ngày 29/5/2019 ông O, bà L đã thế chấp cho Ngân hàng nên thuộc những trường hợp không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định khoản 2 Điều 4 Nghị Quyết 02 ngày 24/9/2020, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

*Về thời hạn kháng cáo:* Kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn O còn trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

*Về việc vắng mặt và có mặt của các đương sự:* Các đương sự đều có mặt tham gia phiên tòa ngày 18 tháng 5, ngày 25 tháng 11 và đã được thông báo có mặt lúc 14 giờ 00 phút ngày 30/11/2021 để nghe tuyên án nhưng bị đơn; người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án và tuyên án theo quy định pháp luật.

#### **[2] Về nội dung yêu cầu kháng cáo của các đương sự:**

[2.1]. Xét kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị L; ý kiến tranh tụng của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho rằng “giấy vay tiền” ngày 30/11/2019, có nội dung bà L đã vay và nhận đủ số tiền 17.000.000.000 đồng của ông B đúng là do



bà L viết và ký nhưng là do bị ông B đe dọa ép buộc với 03 tờ giấy vay tiền, đây là cộng 60% tiền lãi vào... Số tiền vay thực tế chỉ 2.900.000.000 đồng nay cộng lãi là 3.500.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả số tiền này nhưng lại yêu cầu hủy án sơ thẩm vì không đối chất việc giao nhận tiền giữa các bên, thấy:

[2.1] Chính bà L; ông Huỳnh Văn O và người đại diện theo ủy quyền; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp đều thừa nhận bà L đã từng quen biết vay tiền ông B. Theo nội dung chính của “giấy vay tiền” ngày 30/11/2019, đã được bà L thừa nhận trực tiếp viết và ký có nội dung bà L đã vay và nhận đủ số tiền 17.000.000.000 đồng của ông B, thời hạn vay 90 ngày, tính theo lãi suất Ngân hàng. Cam kết nếu không trả đúng hạn sẽ chuyển nhượng nhà đất tại địa chỉ bà L, ông O đang ở 65/4B ấp M, xã N, huyện A. Cam kết ký giấy vay tiền trong trạng thái hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt không bị lừa dối ép buộc. Nay chỉ thừa nhận có vay ông B 2.900.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả 3.500.000.000 đồng vì những lý do này nhưng lại không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Trong khi bà L đã từng vay và trả ông B 200.000.000 đồng, chứng tỏ giữa bà L, ông B có việc quen biết vay mượn tiền nhiều lần. Ngoài ra, thực tế bà L có 23 phòng trọ đang cho thuê; có tài sản là nhà, đất đang ở trực tiếp như đã cam kết tại “giấy vay tiền”. Vì vậy, nếu có sự việc như bà L trình bày là ông B ép buộc viết, ký “giấy vay tiền” ngày 30/11/2019, thì bà L phải báo ngay cho Cơ quan Công an, nhưng lại không có việc trình báo này, cũng không cung cấp được 03 giấy vay nợ khác ngoài “giấy vay tiền” đã tự viết. Bà L cũng không giải thích được tại sao đến thời hạn trả nợ theo giấy vay tiền ngày 30/11/2019, lại lập hợp đồng tặng cho nhà, đất ngày 27/3/2020 cho chồng là ông O và đây lại là tài sản cam kết chuyển nhượng cho ông B tại giấy vay tiền ngày 30/11/2019, trong khi bà L, ông O còn có nhiều tài sản khác. Bị đơn bà L đã thừa nhận có vay tiền của ông B, thừa nhận tự viết giấy vay tiền có nội dung như đã phân tích, nay đồng ý trả tiền vay nhưng ít hơn số tiền theo giấy vay tiền ngày 30/11/2019 mà không chứng minh được có sự đe dọa ép buộc nên Tòa án cấp sơ thẩm không phải tiến hành đối chất và đã căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 4 của Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về “*Nghĩa vụ chứng minh*” và “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình... phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó... không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*” để chấp nhận theo chính sự thừa nhận của bị đơn và “giấy vay tiền” ngày 30/11/2019, để xác định bị đơn bà Lê Thị L có vay và đã nhận 17.000.000.000 đồng của nguyên đơn ông Mai Công B là hợp đồng vay tài sản có thời hạn, có lãi suất nhưng

không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Khi đến hạn trả nợ, bà L không trả là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn có quyền yêu cầu trả nợ gốc và tiền lãi, lãi quá hạn trên nợ gốc theo mức mức lãi suất quy định tại các Điều 466, 468 Bộ luật dân sự để buộc bị đơn bà L trả nợ gốc 17.000.000.000 đồng; tiền lãi 2.291.666.000 đồng từ ngày vay tiền là 30/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, tổng cộng 19.691.666.000 đồng là đúng quy định pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị L.

[2.2] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Văn O không đồng ý liên đới cùng bà L trả số nợ 17.000.000.000 đồng tại Giấy vay tiền 30/11/2019, thấy: Theo giấy vay tiền ngày 30/11/2019, chỉ mình bà L ký xác nhận vay và nhận tiền. Nguyên đơn thừa nhận giao tiền tại nhà không có ông O. Việc bà L ký nhận vay số tiền 17.000.000.000 đồng và tự định đoạt nhà, đất là tài sản chung tại địa chỉ 65/4B ấp M, xã N, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh gồm thửa đất số 348, tờ bản đồ số 37, tổng diện tích khoảng 700m<sup>2</sup> bao gồm 01 căn nhà 3 tầng rưỡi, 01 kho xưởng mái tôn nhà cấp 4 sát bên và 01 dãy phòng trọ tại “giấy vay tiền” ngày 30/11/2019, hoàn toàn không có thỏa thuận hay ủy quyền của ông O nên ông O không thừa nhận và không có chứng cứ xác nhận bà L sử dụng số tiền này để kinh doanh lo kinh tế và đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình theo các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên không có cơ sở buộc ông O liên đới cùng bà L trả số tiền 19.691.666.000 đồng, gồm nợ gốc là 17.000.000.000 đồng, nợ lãi là 2.291.666.000 đồng cho nguyên đơn như bản án sơ thẩm quyết định. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, chấp nhận một phần kháng cáo của ông O, sửa một phần bản án sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 21/01/2021, của Tòa án nhân dân huyện A. Không có cơ sở chấp nhận quan điểm của Luật sư đề nghị hủy án sơ thẩm.

[2.2] Đối với yêu cầu của ông Huỳnh Văn O đề nghị xem xét hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản nhà, đất tại địa chỉ 65/4B ấp M, xã N, huyện A, vì cho rằng tài sản này ông O, bà L đã thế chấp vay tiền Ngân hàng Q - Chi nhánh 3 - Phòng giao dịch T, thấy: Căn cứ khoản 1 Điều 139 của BLTTDS và Điều 19 của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 26/2020/QĐ-BPKCTT ngày 07/4/2020 và số 28/2020/QĐ-BPKCTT ngày 07/4/2020, của Tòa án nhân dân huyện A là một quyết định độc lập, có hiệu lực ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông Huỳnh Văn O có yêu cầu

hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 26/2020/QĐ-BPKCTT ngày 07/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện A. Căn cứ khoản 2 Điều 112 của BLTTDS và Điều 18 của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020, Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét yêu cầu này.

Xét, ngày 06/4/2020 nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án huyện A áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản đối với tài sản là  $\frac{1}{2}$  (Một phần hai) giá trị nhà và đất tại địa chỉ 65/4B ấp M, xã N, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh, phần đất có diện tích 250m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 348, tờ bản đồ số 37 (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số 433/2008/UB-GCN ngày 08/4/2008 do Ủy ban huyện A cấp cho ông Huỳnh Văn O và bà Lê Thị L). Cùng ngày Tòa án ban hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 25/2020/QĐ-BPBD, nội dung: Buộc ông Mai Công B phải gửi tài sản bảo đảm (tiền,...) có giá trị 100.000.000 đồng vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Q - Chi nhánh A. Ngày 07/4/2020, Tòa án nhân dân huyện A ban hành 02 Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 26/2020/QĐ-BPKCTT và Quyết định số 28/2020/QĐ-BPKCTT; Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định số 23/QĐ-SCBS ngày 07/4/2020.

Xét, từ yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của ông Mai Công B được quy định tại khoản 11 Điều 114, Điều 126 BLTTDS. Tòa án cấp sơ thẩm đã Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 26/2020/QĐ-BPKCTT ngày 07/4/2020 được quy định tại Điều 126 BLTTDS: Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với toàn bộ tài sản là  $\frac{1}{2}$  (Một phần hai) giá trị căn nhà và đất tại địa chỉ 65/4B ấp M, xã N, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh, phần đất có diện tích 250m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 348, tờ bản đồ số 37 (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 433/2008/UB-GCN ngày 08/4/2008 do UBND huyện A cấp cho ông O và bà L; cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS01230 ngày 17/4/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường TPHCM cấp cho ông O và bà L). Ngày 07/4/2020 ra Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định số 23/QĐ-SCBS ngày 07/4/2020.

Tuy nhiên, tài sản mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 26/2020/QĐ-BPKCTT ngày 07/4/2020. Trước đó ngày 27/3/2020, bà L đã lập hợp đồng tặng cho ông O tại Văn phòng công chứng Y và chưa được cập nhật đăng ký biến động tặng cho theo quy định tại Điều 459 BLDS nên vẫn là tài sản chung của ông O, bà L. Nhưng theo Công văn số 11113 ngày 06/5/2020, của Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh huyện X cung cấp và Hợp

đồng thế chấp ngày 29/05/2019 đăng ký thế chấp ngày 30/5/2019, thì tài sản này ông O, bà L đã thế chấp tại Ngân hàng Q - Chi nhánh 3, Phòng giao dịch T để đảm bảo cho việc vay tiền trước thời điểm nguyên đơn có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Căn cứ khoản 2 Điều 4 quy định “Những trường hợp không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời” của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP TNDTC ngày 24/9/2020 hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của BLTTDS, thì việc áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ quy định tại khoản 11 Điều 114; Điều 126 BLTTDS là không đúng quy định pháp luật. Vì tài sản này ông O, bà L đã thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 26/2020/QĐ-BPKCTT ngày 07/4/2020 của ông O có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 138 BLTTDS hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 26/2020/QĐ-BPKCTT ngày 07/4/2020 và Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định số 23/QĐ-SCBS ngày 07/4/2020. Do hai Quyết định này bị hủy bỏ nên Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 25/2020/QĐ-BPBD ngày 06/4/2020, của Tòa án nhân dân huyện A buộc ông Mai Công B phải gửi tài sản bảo đảm có giá trị là 100.000.000 đồng vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Q Chi nhánh 6140 - Chi nhánh A, địa chỉ: 12 Đường C1, Thị trấn A, huyện A cũng bị hủy bỏ. Ông Mai Công B được nhận lại 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng đã gửi theo chứng từ giao dịch ngày 07/4/2020, tại Ngân hàng Q Chi nhánh 6140 - Chi nhánh A, địa chỉ: 12 Đường C1, Thị trấn A, huyện A phát hành với số tiền giữ hộ và đợi thanh toán là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng số TK452101101101, theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 25/2020/QĐ-BPBD ngày 06/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện A.

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 26/2020/QĐ-BPKCTT ngày 07/4/2020 bị hủy bỏ nên phần quyết định của bản án sơ thẩm dành quyền ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng Q cần điều chỉnh không đề cập.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Do sửa án sơ thẩm nên đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị L; Chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn O. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 21/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện A.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Công B: Buộc bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Mai Công B số tiền nợ vay tổng cộng 19.691.666.000 (*Mười chín tỷ sáu trăm chín mươi một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn*) đồng. Gồm nợ gốc là 17.000.000.000 (*Mười bảy tỷ*) đồng, nợ lãi là 2.291.666.000 (*Hai tỷ hai trăm chín mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu nghìn*) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Mai Công B về việc buộc ông Huỳnh Văn O có trách nhiệm liên đới trả cho ông Mai Công B số tiền nợ vay tổng cộng 19.691.666.000 (*Mười chín tỷ sáu trăm chín mươi một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn*) đồng. Gồm nợ gốc là 17.000.000.000 (*Mười bảy tỷ*) đồng, nợ lãi là 2.291.666.000 (*Hai tỷ hai trăm chín mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Tiếp tục duy trì biện pháp phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 28/2020/QĐ-BPKCTT ngày 07/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện A để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 26/2020/QĐ-BPKCTT ngày 07/4/2020; Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định số 23/QĐ-SCBS ngày 07/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện A trong quá trình giải quyết vụ án bị hủy bỏ.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 25/2020/QĐ-BPBD ngày 06/4/2020, của Tòa án nhân dân huyện A. Ông Mai Công B được nhận lại 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng đã gửi theo chứng từ giao dịch ngày 07/4/2020, tại Ngân hàng Q Chi nhánh 6140 - Chi nhánh A, địa chỉ: 12 Đường C1, Thị trấn A, huyện A phát hành với số tiền giữ hộ và đợi thanh toán là 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng số TK452101101101, theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 25/2020/QĐ-BPBD ngày 06/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện A.

### 3. Về án phí:

*3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 127.691.666 (*Một trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu*) đồng. Ông Huỳnh Văn O được miễn nộp tiền án phí.

Hoàn lại cho ông Mai Công B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 62.500.000 (*Sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0077856 ngày 06/4/2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

*3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:* Do sửa án sơ thẩm nên bà Lê Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Lê Thị L tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0074536 ngày 04/02/2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thảo thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7.7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***